

Số: 06/2018/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 2602/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, xử lý tài sản công đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
2. Ngoài các quy định cụ thể tại Nghị quyết này, việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
2. Cơ quan hành chính của Đảng là Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy (gọi là cơ quan) trong việc quản lý, sử dụng tài sản được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư mua sắm từ ngân sách nhà nước. Riêng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP.
3. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh đầu tư, mua sắm tài sản được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương. Việc quản lý, sử dụng tài sản (điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy, cho thuê tài sản ...) thực hiện theo quy định của Chính phủ.
4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công.

**Chương II
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

d) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Đối với tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này), thẩm quyền quyết định mua sắm được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với danh mục dự toán ngân sách cấp tỉnh có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với danh mục dự toán ngân sách cấp tỉnh có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản đối với danh mục, dự toán mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với dự toán ngân sách cấp huyện.

đ) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn vốn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh.

b) Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 500 triệu đồng trở lên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định thuê tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ nhiệm vụ chuyên môn cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trong nguồn kinh phí được giao trong năm.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách:

Quyết định thuê tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng trong nguồn kinh phí được giao trong năm.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Quyết định việc thuê tài sản khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải.

d) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

đ) Tài sản của dự án sử dụng vốn ngân sách thuộc phạm vi quản lý của địa phương để xử lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản tại Khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán

dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải.

d) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

d) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định bán tài sản nhà nước (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách:

Quyết định bán tài sản nhà nước (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

Riêng tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định bán tài sản nhà nước (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ trường hợp ủy quyền cho Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Khoản 2 và Khoản 6 Điều này).

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải.

d) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý:

Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp tỉnh, cụ thể như: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phải phá dỡ để tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc; thanh lý do trụ sở làm việc thuộc lộ giới quy hoạch trên địa bàn, phải di dời và chuyển giao cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng địa phương. Thanh lý tài sản là Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong trường hợp phá dỡ để cải tạo, đầu tư xây dựng mới theo quy hoạch, kế hoạch, dự án và quyết định đầu tư được duyệt.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định thanh lý các loại tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách:

Quyết định thanh lý các loại tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

5. Riêng người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý, trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp (nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất), xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện, cụ thể như: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phải phá dỡ để tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc; thanh lý do trụ sở làm việc thuộc lộ giới quy hoạch trên địa bàn, phải di dời và chuyển giao cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng địa phương. Thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong trường hợp phá dỡ để cải tạo, đầu tư xây dựng mới theo quy hoạch, kế hoạch, dự án và quyết định đầu tư được duyệt.

b) Quyết định thanh lý các loại tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, xe ô tô và phương tiện vận tải của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô và phương tiện vận tải) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách:

Quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản được giao quản lý, sử dụng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô và phương tiện vận tải) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

d) Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Quyết định xử lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách:

Quyết định xử lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được giao quản lý, sử dụng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định xử lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ tài sản tại khoản 1 Điều này) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan./.

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo